

Thứ sáu, ngày 8 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Vượt ngưỡng kháng cự 800

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/5/2020		•	
Tuần 11/5-15/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên sáng, tâm lý giao dịch hưng phấn nổi tiếp từ phiên trước đã giúp VN-Index vượt lên ngưỡng kháng cự 800 điểm. Đà tăng đồng nhịp ở toàn bộ các nhóm ngành cổ phiếu với mức tăng nổi bật ở nhóm Ngân hàng (VCB, TCB), Bảo Hiểm (BVH) và Chứng Khoán (HCM, VCI). Thanh khoản tăng gần gấp đôi so với phiên trước, biên độ giao dịch nở rộng và độ rộng thị trường tích đang ủng hộ nhịp vận động tăng điểm của thị trường. Khối ngoại cũng đã đảo chiều mua ròng sau chuỗi bán ròng liên tiếp 1 tháng tập chung chủ yếu vào mã VCB 73 tỷ đồng. Với xu hướng như hiện tại, VN-Index nhiều khả năng sẽ xác lập ngưỡng vận động mới trong vùng giá 800-900 điểm vào tuần tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2012, Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 765 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 08/05/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tiếp tục tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_4.1%

Phân tích kỹ thuật: TCB_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+17.19 điểm**, đóng cửa 813.73. HNX-Index **+1.71 điểm**, đóng cửa 110.02.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+4.02)**; **VHM (+3.16)**; **VIC (+1.45)**; **TCB (+1.20)**; **VPB (+0.98)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.57)**; **HPG (-0.16)**; **POW (-0.07)**; **PAN (-0.05)**; **DHG (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **6,292 tỷ đồng**, gần gấp đôi so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 25.52 điểm, nở rộng so với phiên trước. Thị trường có 185 mã tăng, 62 mã tham chiếu và 134 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **73.04 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (73.88 tỷ), VNM (53.6 tỷ) và VHM (48.9 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-18.86 tỷ đồng**.

VN-INDEX 813.73Giá trị: 6291.75 tỷ **17.19 (2.16%)**

Khối ngoại (ròng): 73.04 tỷ

HNX-INDEX 110.02Giá trị: 544.82 tỷ **1.71 (1.58%)**

Khối ngoại (ròng): -18.86 tỷ

UPCOM-INDEX 52.91Giá trị: 376.32 tỷ **0.54 (1.03%)**

Khối ngoại(ròng): 7.3 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	24.3	3.23%
Giá vàng	1,721	0.26%
Tỷ giá USD/VND	23,392	-0.08%
Tỷ giá EUR/VND	25,296	-0.40%
Tỷ giá JPY/VND	21,976	-0.30%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	2.93%
LS TPCP 5 năm	2.2%	-4.66%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	73.7	VIC	-102.9
VNM	53.3	KDH	-38.3
VHM	48.9	SAB	-12.3
VPB	48.6	SVC	-10.6
PLX	34.6	GAS	-9.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_4.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	5/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	4.1%	7.0%	7.0%	24.3%	-14.0%	-14.0%	17.6%
VN FinSelect	3.8%	6.7%	6.7%	22.9%	-14.1%	-14.1%	22.1%
Ngân Hàng	3.3%	6.3%	6.3%	22.3%	-12.1%	-12.1%	22.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	2.6%	5.6%	5.6%	23.8%	-18.3%	-18.3%	22.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.2%	5.7%	5.7%	31.0%	-16.3%	-16.3%	22.1%
VN Diamond	2.2%	4.7%	4.7%	26.9%	-16.5%	-16.5%	22.1%
FTSE Việt Nam	2.1%	7.0%	7.0%	20.9%	-13.6%	-13.6%	15.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	2.1%	6.4%	6.4%	22.8%	-13.7%	-13.7%	22.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.8%	3.7%	3.7%	25.7%	-16.4%	-16.4%	17.6%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.5%	3.1%	3.1%	20.5%	-16.4%	-16.4%	22.7%
Corona Avengers	1.4%	4.3%	4.3%	39.1%	-8.4%	-8.4%	15.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.4%	3.0%	3.0%	28.8%	-12.7%	-12.7%	22.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.2%	4.6%	4.6%	25.2%	-13.7%	-13.7%	17.6%
Dầu khí	1.2%	4.0%	4.0%	33.3%	-27.9%	-27.9%	15.7%
Hàng tiêu dùng	0.7%	3.4%	3.4%	38.3%	-10.8%	-10.8%	15.7%
Nước & Năng lượng	0.5%	1.4%	1.4%	23.2%	-12.6%	-12.6%	22.1%
Xây dựng	0.3%	4.2%	4.2%	29.5%	-11.1%	-11.1%	22.1%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	4.3%	4.3%	34.9%	-8.6%	-8.6%	22.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	2.0%	2.0%	25.2%	-2.6%	-2.6%	15.7%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	3.2%	3.2%	34.9%	-14.5%	-14.5%	17.6%
Stay-at-home	-0.1%	1.7%	1.7%	31.5%	-4.7%	-4.7%	22.1%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.1%	0.5%	0.5%	16.2%	-7.0%	-7.0%	17.6%
Lãi suất giảm	-0.7%	3.3%	3.3%	33.1%	-12.2%	-12.2%	19.2%

Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M12	2.3%	5.0%	5.0%	22.0%	-12.9%	-12.9%	19.9%
M22	2.3%	6.4%	6.4%	28.3%	-9.8%	-9.8%	18.8%
S32	2.2%	5.1%	5.1%	36.7%	-19.8%	-19.8%	22.1%
S11	1.9%	5.0%	5.0%	21.1%	-7.5%	-7.5%	18.8%
L11	1.7%	2.9%	2.9%	23.1%	-14.7%	-14.7%	17.3%
M31	1.3%	4.1%	4.1%	24.8%	-14.8%	-14.8%	20.9%
L22	1.1%	2.2%	2.2%	30.0%	-14.7%	-14.7%	19.6%
S21	1.0%	3.0%	3.0%	26.6%	-14.3%	-14.3%	19.9%
L32	0.7%	4.1%	4.1%	36.3%	-17.4%	-17.4%	20.9%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	1.6%	4.1%	4.1%	19.3%	-12.0%	-12.0%	17.0%
MID1	1.5%	3.4%	3.4%	29.0%	-7.1%	-7.1%	17.4%
HIGH3	0.1%	3.1%	3.1%	30.1%	-7.3%	-7.3%	18.9%

INDEX							
VNINDEX	2.2%	5.8%	5.8%	22.8%	-15.3%	-15.3%	16.8%
VN30INDEX	2.7%	6.3%	6.3%	24.5%	-13.5%	-13.5%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	5	18	5	18	5	18
Mục tiêu	9	3	6	1	8	1	8
Rủi ro	3	0	3	0	3	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

TCB_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: TCB đang ở trong trạng thái tăng giá sau khi đã mất giá mạnh theo đà giảm chung của thị trường chứng khoán Việt Nam. Phiên hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu chốt phiên ở mức giá trần. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của TCB. Điều đáng chú ý là các đường EMA vừa tạo Golden Cross nên đây là thể là sự đánh dấu cho trạng thái tăng trung và dài hạn của cổ phiếu. Bên cạnh đó, chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua nên dự đoán tăng vẫn còn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của cổ phiếu nằm tại mốc 18. Theo đánh giá của chúng tôi, TCB tiềm năng sẽ tiếp tục tăng cho đến khi tiếp cận vùng giá xung quanh 20.



Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp.

Luận điểm đầu tư

- (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps.
 - (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc giảm trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%.
- Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC.
- CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express TCB 2020Q1**

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 7/5/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Chiều 7/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	24.26	3.01%	22.60%	-15.40%	-59.08%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	29.93	1.60%	13.20%	-13.20%	-54.96%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	93.23	0.10%	21.70%	30.40%	-50.19%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1721.39	0.31%	1.20%	4.60%	35.19%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.52	1.12%	3.60%	3.70%	7.45%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	848.50	0.50%	-0.10%	-1.50%	-3.85%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	519.50	-0.57%	0.60%	-5.10%	8.17%		AFX
Sữa	USD /cwt	13.36	0.45%	9.60%	0.80%	-18.69%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	152.70	0.26%	1.70%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.33	0.58%	-0.40%	-0.90%	-22.74%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	109.00	-1.45%	2.50%	-7.50%	6.55%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5274.00	1.46%	1.60%	9.00%	-13.91%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3457.00	1.02%	4.70%	9.40%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1485.00	0.37%	-0.60%	0.20%	-17.87%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	632.00	2.43%	5.60%	13.00%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.30	0.19%	-1.00%	-14.50%	-37.15%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 giảm 26 US cent tương đương 0,9% xuống 29,46 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 6 giảm 44 US cent tương đương 1,8% xuống 23,55 USD/thùng.
- Các nhà phân tích thuộc Rystad Energy dự kiến, nhu cầu dầu toàn cầu trong năm 2020 sẽ giảm 10,9% xuống 88,7 triệu thùng/ngày so với khoảng 99,5 triệu thùng/ngày trong năm 2019. Tuần trước, công ty tư vấn năng lượng dự báo nhu cầu dầu trong năm tới sẽ ở mức trung bình 88,8 triệu thùng/ngày. Ngoài ra, giá dầu chịu áp lực giảm bởi tồn trữ dầu thô của Mỹ tại trung tâm lưu trữ Cushing, Oklahoma tăng khoảng 407.000 thùng trong tuần tính đến 5/5/2020.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 2,1% lên 1.720,36 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 2,2% lên 1.725,8 USD/ounce.
- Bảng lương phi nông nghiệp của Mỹ dự báo sẽ giảm 22 triệu trong tháng 4/2020, vượt xa con số 800.000 trong cuộc suy thoái kinh tế 2007-2009.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 2% lên 623 CNY (87,71 USD)/tấn.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10 tăng 1,5% lên 3.439 CNY/tấn và thép cuộn cán nóng tăng 1,9% lên 3.305 CNY/tấn.
- Giá quặng sắt và thép tại Trung Quốc tăng phiên thứ 4 liên tiếp, sau khi Bắc Kinh cam kết kích thích nhiều hơn để giảm gánh nặng thuế và tăng cường hỗ trợ tín dụng cho các công ty. Nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc trong tháng 4/2020 tăng 11,4% so với tháng 3/2020 lên 95,71 triệu tấn, được hỗ trợ bởi nguồn cung ổn định và nhu cầu tăng, trong khi xuất khẩu sản phẩm thép trong 4 tháng đầu năm 2020 giảm 11,7%.

Giá cao su

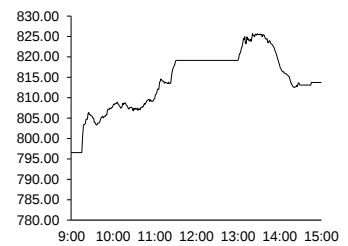
- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn TOCOM tăng 3,5 JPY tương đương 2,4% lên 152,3 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 2,8% lên 10.380 CNY/tấn.
- Xuất khẩu của Trung Quốc trong tháng 4/2020 tăng – lần đầu tiên – trong năm nay do các nhà sản xuất tăng sản lượng từ khủng hoảng virus corona

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 0,06 US cent tương đương 0,6% lên 10,33 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 2,9 USD tương đương 0,8% lên 348 USD/tấn.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 giảm 1,6 US cent tương đương 1,4% xuống 1,09 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2020 giảm 15 USD tương đương 1,2% xuống 1.186 USD/tấn.

Hình 1

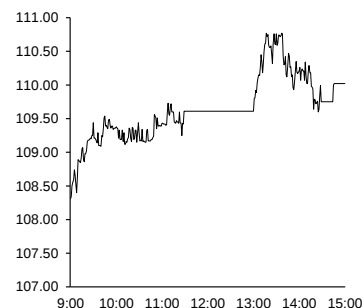
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	9.91%
Ngân hàng	3.83%
Dầu khí	3.61%
Du lịch và Giải trí	2.65%
Bất động sản	2.39%
Thực phẩm và đồ uống	1.85%
Dịch vụ tài chính	1.68%
Bảo hiểm	1.44%
Bán lẻ	1.33%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.09%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.68%
Truyền thông	0.36%
Công nghệ Thông tin	0.26%
Xây dựng và Vật liệu	0.03%
Y tế	-0.11%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.21%
Ô tô và phụ tùng	-0.44%
Tài nguyên Cơ bản	-0.64%
Hóa chất	-2.64%

Nguồn: FiinPro

ĐẾO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

Chuyện kể rằng có một bác nông dân rất nghèo, bác muốn làm một cái cày thật tốt để làm công việc đồng áng năng suất và đỡ vất vả hơn. Một hôm, bác rất vui vì đã xin được một cây gỗ tốt nhưng bác chưa làm cái cày bao giờ, bác bèn mang khúc gỗ ra ven đường ngồi đẽo và hỏi ý kiến mọi người.

Bác đẽo được một lúc thì một người đi qua chê: – Cày bác đẽo to quá.

Bác nông dân nghe thấy có lý bèn làm theo. Một lúc lại có một người đi qua bảo: - Cái đầu cày bác làm to quá....

Bác nông dân nghe có lý hơn, bác lại chỉnh sửa theo. Một lúc lại một người đi qua nói: - Cày bác làm dài quá không thuận tay.

Bác nông dân nghe lại có lý hơn, lại chỉnh sửa theo.

Và cuối cùng, hết ngày hôm đấy bác nông dân chỉ còn một khúc gỗ nhỏ, bác không còn cơ hội để đẽo cái cày theo ý mình nữa, cây gỗ quý đã thành một đồng củi vụn. Bác buồn lắm nhưng cuối cùng bác đã hiểu: "Làm việc gì cũng vậy, mình phải có chính kiến của mình và kiên trì với một con đường đã chọn."

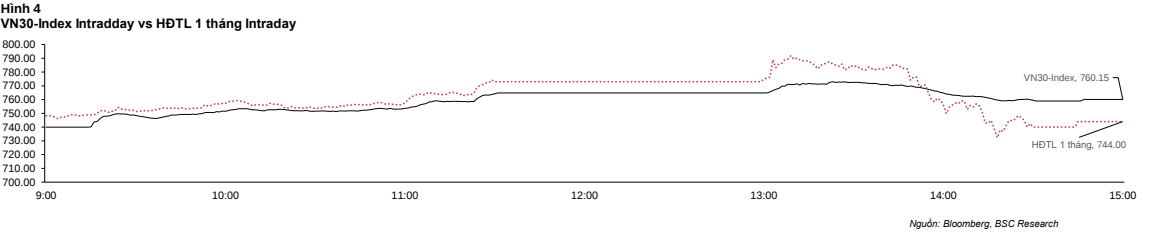
Câu chuyện "đầu tư theo phong trào" và bài học rút ra từ chuyện ngụ ngôn

Phần đông những người tham gia thị trường chứng khoán đều tìm cách tránh né những rủi ro và nổi bất an bằng cách làm theo những gì người khác đang làm, với tâm lý là số đông luôn đúng hay còn gọi những nhà đầu tư tiêu biểu ở nhóm này là những người "đầu tư theo phong trào".

Áp dụng vào câu chuyện ngụ ngôn "Đẽo cày giữa đường" thì họ là những người đẽo cày. Hễ thấy ai nói hay, nói có lý lẽ về mã cổ phiếu thì đầu tư ngay mà chưa kịp tìm hiểu. Điều này chính là nguyên nhân gây ra nhà đầu tư thua lỗ là những người thiếu MỤC TIÊU cụ thể mà chủ yếu mua - bán chứng khoán theo phong trào.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	744.00	0.27%	-16.15	30.1%	276,292	5/21/2020	13
VN30F2006	735.00	0.48%	-25.15	47.6%	2,510	6/18/2020	41
VN30F2009	725.00	0.65%	-35.15	91.0%	592	9/17/2020	132
VN30F2012	723.50	-0.62%	-36.65	90.2%	253	12/17/2020	223

Source: Bloomberg, BSC Research

- Nhận định:**
- VN30 Index tiếp tục tăng mạnh +20.17 điểm lên mức 760.15 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, VCB, VHM, và VJC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực lên trên 770 điểm, sau đó điều chỉnh giảm về cuối phiên xuống 760 điểm. Thanh khoản tăng mạnh, VN30 có thể tiếp tục vận động tăng lên 795 điểm trong những phiên tiếp theo.
 - Ngoại trừ VN30F2012, Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng giá kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 765 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2001	HSC	6/22/2020	45	2:1	970,490	211.0%	5.0 triệu	40.28%	1,500	1,450	38.10%	931.90	1.56
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	75	1:1	112,310	660.9%	1.5 triệu	40.28%	2,200	1,600	12.68%	1,240.50	1.29
CFPT1908	MBS	6/17/2020	40	3:1	353,960	127.9%	2.4 triệu	31.95%	3,150	1,000	11.11%	590.30	1.69
CFPT2004	SSI	8/10/2020	94	1:1	21,710	-63.2%	2.0 triệu	31.95%	5,100	8,440	10.76%	5,211.70	1.62
CSBT2001	KIS	12/16/2020	222	1:1	148,720	382.9%	2.0 triệu	34.19%	2,900	830	10.67%	173.70	4.78
CVHM2001	KIS	12/16/2020	222	5:1	286,160	340.4%	2.0 triệu	32.94%	3,100	1,230	9.82%	214.60	5.73
CMBB2004	VND	7/1/2020	54	1:1	173,040	84.7%	2.0 triệu	32.56%	1,100	1,690	6.29%	529.60	3.19
CMWG2005	VND	10/1/2020	146	2:1	60,810	3.5%	1.0 triệu	38.30%	2,500	7,420	5.40%	2,385.50	3.11
CRÉE2002	VND	7/1/2020	54	1:1	180,000	99.2%	1.5 triệu	29.28%	1,800	2,360	3.96%	870.90	2.71
CSTB2002	KIS	12/16/2020	222	1:1	220,730	124.9%	3.0 triệu	37.35%	1,700	1,240	3.33%	392.40	3.16
CFPT2005	VND	7/1/2020	54	1:1	95,000	-9.9%	1.0 triệu	31.95%	2,900	6,980	2.95%	5,009.70	1.39
CHPG2004	SSI	6/15/2020	38	1:1	197,310	-57.3%	5.0 triệu	32.81%	2,800	1,450	2.84%	894.00	1.62
CHPG2002	KIS	12/16/2020	222	2:1	259,590	134.9%	3.0 triệu	32.81%	1,700	1,180	2.61%	337.70	3.49
CPNJ2002	VND	10/1/2020	146	2:1	161,870	-31.2%	1.0 triệu	33.68%	2,400	3,550	2.31%	818.70	4.34
CNVL2001	KIS	12/16/2020	222	4:1	90,710	135.4%	2.0 triệu	16.89%	2,300	1,380	2.22%	48.10	28.69
CFPT2003	SSI	11/9/2020	185	1:1	79,520	7.6%	2.0 triệu	31.95%	7,300	10,280	1.68%	6,797.90	1.51
CVRE2001	KIS	9/21/2020	136	4:1	900,870	170.7%	8.0 triệu	39.26%	1,500	170	0.00%	42.50	4.00
CHPG2001	HSC	6/30/2020	53	2:1	261,230	-42.0%	5.0 triệu	32.81%	1,800	900	-1.10%	441.00	2.04
CDPM2002	KIS	12/16/2020	222	1:1	49,160	135.8%	2.0 triệu	37.33%	1,700	2,340	-1.27%	1,266.30	1.85
CHPG2005	VND	10/1/2020	146	1:1	215,400	-58.4%	2.0 triệu	32.81%	2,100	6,520	-2.98%	4,880.50	1.34
Tổng:					4,838,590		53.40 triệu	33.57%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
					**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

- Nhận định:**
- Trong phiên giao dịch ngày 08/05/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tiếp tục tăng tích cực.
 - Về giá, CVPB2003 và CVPB2001 tăng mạnh lần lượt là 12.68% và 38.1%. Giá trị giao dịch tăng 6.94%. CHPG2005 tiếp tục có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.49% thị trường.
 - Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG2005 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	18.90	6.78	3.58
VPB	22.80	6.54	3.13
VCB	73.50	5.45	2.03
VHM	70.90	4.88	1.68
VJC	120.00	4.17	1.65

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	23.4	-0.85	-0.43
CTD	65.5	-2.24	-0.07
POW	10.1	-0.98	-0.06
ROS	3.5	-0.84	-0.01
REE	30.6	0.00	0.00

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2001	23,000	20,000	22,800
CVPB2003	24,200	22,000	22,800
CFPT1908	63,450	54,000	53,700
CFPT2004	55,100	50,000	53,700
CSBT2001	24,011	21,111	14,750
CVHM2001	110,067	94,567	70,900
CMBB2004	18,100	17,000	16,600
CMWG2005	97,000	92,000	83,800
CRÉE2002	33,800	32,000	30,600
CSTB2002	13,588	11,888	9,520
CFPT2005	51,900	49,000	53,700
CHPG2004	26,300	23,500	23,400
CHPG2002	33,399	29,999	23,400
CPNJ2002	73,800	69,000	58,200
CNVL2001	75,088	65,888	53,900
CFPT2003	57,300	50,000	53,700
CVRE2001	42,789	36,789	25,300
CHPG2001	27,600	24,000	23,400
CDPM2002	16,952	15,252	13,800
CHPG2005	21,100	19,000	23,400

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.8	1.5%	1.2	1,650	8.6	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	58.2	1.2%	1.3	570	3.9	5,248	11.1	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.9	2.0%	1.4	1,546	3.5	1,168	41.0	1.8	28.7%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.5	0.3%	0.6	296	0.0	2,092	14.6	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	97.5	1.6%	0.9	14,339	7.2	2,095	46.5	4.1	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.3	2.0%	1.1	2,500	4.5	1,226	20.6	2.1	31.3%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.9	1.5%	0.8	2,272	3.1	3,584	15.0	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	30.6	0.0%	0.9	413	1.1	4,976	6.1	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	9.8	0.6%	1.5	221	1.6	2,289	4.3	0.7	39.6%	15.9%
SSI	Chứng khoán	13.5	2.3%	1.3	353	4.7	1,415	9.5	0.8	50.8%	7.8%
VCI	Chứng khoán	19.7	3.4%	1.0	140	1.1	4,240	4.6	0.8	33.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.3	2.1%	1.8	229	3.3	1,480	11.7	1.2	54.3%	12.0%
FPT	Công nghệ	53.7	0.4%	0.8	1,592	8.5	4,804	11.2	2.5	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.2	0.0%	0.4	521	0.0	4,812	10.0	2.5	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	69.6	1.3%	1.4	5,792	5.1	5,820	12.0	2.6	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	43.8	4.2%	1.5	2,268	4.5	869	50.4	2.8	13.1%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.1	0.8%	1.6	251	3.0	1,777	6.8	0.5	13.8%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.1	1.7%	0.8	822	1.3	898	6.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	96.0	-1.1%	0.5	546	0.2	5,046	19.0	3.6	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.8	-0.7%	0.6	235	1.9	1,006	13.7	0.7	14.6%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.0	-0.4%	0.6	184	0.6	415	19.2	0.7	1.8%	3.7%
VCB	Ngân hàng	73.5	5.5%	1.2	11,852	12.1	4,848	15.2	3.2	23.5%	22.8%
BID	Ngân hàng	38.0	1.2%	1.5	6,645	4.3	2,140	17.8	2.0	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	20.9	2.5%	1.2	3,383	11.6	2,510	8.3	1.0	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.8	6.5%	1.2	2,417	14.4	3,750	6.1	1.2	22.8%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.6	1.8%	1.1	1,740	9.2	3,398	4.9	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	21.4	0.9%	1.0	1,547	5.6	3,780	5.7	1.2	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	44.6	0.1%	0.9	159	0.8	5,303	8.4	1.4	79.1%	17.0%
NTP	Nhựa	33.3	1.8%	0.4	142	0.1	4,208	7.9	1.3	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	0.7%	0.6	641	0.0	356	41.9	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	23.4	-0.8%	1.1	2,809	12.9	2,764	8.5	1.3	36.7%	17.4%
HSG	Thép	7.8	-1.5%	1.6	151	2.8	1,491	5.2	0.6	17.6%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	105.0	1.5%	0.7	7,950	14.6	5,453	19.3	6.1	58.4%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	172.0	1.8%	0.8	4,796	1.9	6,719	25.6	6.4	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	61.0	3.7%	1.0	3,100	8.8	3,961	15.4	1.7	36.0%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	3.5%	0.8	376	2.2	141	104.9	1.2	5.7%	1.4%
ACV	Vận tải	57.5	-0.9%	0.8	5,442	1.0	3,450	16.7	3.4	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	120.0	4.2%	1.1	2,733	4.8	7,889	15.2	4.1	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	27.0	0.9%	1.7	1,662	1.5	1,654	16.3	2.1	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	18.2	-0.5%	1.0	235	0.3	1,583	11.5	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.2	0.5%	1.0	124	0.9	2,117	4.8	0.6	25.6%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.8	-1.7%	1.1	431	2.0	9,201	6.9	3.0	2.5%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.3	0.0%	0.8	337	0.2	1,453	11.9	1.2	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.8	0.0%	1.0	229	0.1	1,938	7.1	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	65.5	-2.2%	1.2	217	1.4	8,032	8.2	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.4	-0.8%	0.5	488	0.0	1,498	17.0	1.7	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.7	-0.5%	0.4	212	1.1	1,775	11.1	0.9	45.6%	8.5%
POW	Điện	10.1	-1.0%	0.6	1,028	4.2	1,028	9.8	0.9	11.5%	9.4%
NT2	Điện	20.1	-0.5%	0.6	251	0.6	2,543	7.9	1.3	17.6%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	73.50	5.45	4.02	3.87MLN
VHM	70.90	4.88	3.16	3.64MLN
VIC	97.50	1.56	1.45	1.68MLN
TCB	18.90	6.78	1.20	7.26MLN
VPB	22.80	6.54	0.98	14.72MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-0.57	1.50MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-0.16	12.48MLN	607060.00
POW	0.00	-0.07	9.45MLN	373600.00
PAN	0.00	-0.05	44120.00	192700.00
DHG	0.00	-0.04	46920.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	18.35	7.00	0.01	100.00
BTT	45.15	6.99	0.01	30.00
HRC	36.85	6.97	0.02	880.00
LAF	8.77	6.95	0.00	950.00
VIP	4.77	6.95	0.01	333950.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	7.34	-6.97	-0.01	10.00
DTL	16.75	-6.94	-0.02	110.00
LM8	22.80	-6.94	-0.01	10.00
TCR	3.39	-6.87	0.00	500.00
SCD	22.50	-6.83	0.00	15380.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	17.00	5.59	1.21	3.81MLN
ACB	21.40	0.94	0.32	5.99MLN
NVB	8.20	3.80	0.12	2.67MLN
DNP	17.40	6.10	0.05	600.00
SHN	7.50	4.17	0.04	5300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DL1	14.60	-9.88	-0.08	200.00
VCS	63.80	-1.69	-0.04	718400.00
DGC	28.60	-1.04	-0.02	112100.00
KLF	1.80	-5.26	-0.02	13.69MLN
SZB	31.00	-3.13	-0.01	5400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

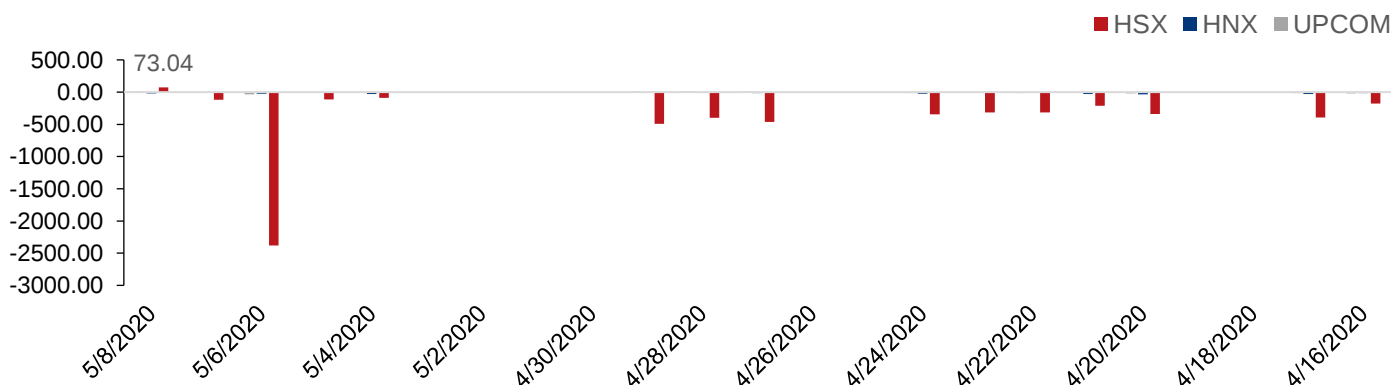
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJC	0.50	25.0	0.00	2500.00
BII	0.70	16.7	0.00	98100.00
PHN	29.70	10.0	0.01	7300.00
SGC	66.00	10.0	0.01	100.00
PIA	25.50	9.9	0.00	2000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MEC	0.60	-14.29	0.00	122400.00
FID	0.80	-11.11	0.00	100.00
VIG	0.80	-11.11	0.00	156200.00
TKC	2.70	-10.00	0.00	24300.00
TTT	35.10	-10.00	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
2	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
6	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
10	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
11	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	44.2	3,887	11.4	2.2	Click
2	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	53.7	4,804	11.2	2.5	Click
3	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	18.2	1,583	11.5	0.9	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	21.4	3,780	5.7	1.2	Click
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.9	1,880	6.8	0.6	Click
6	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	172.0	6,719	25.6	6.4	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.4	1,782	12.0	1.5	Click
8	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	105.0	5,453	19.3	6.1	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.1	1,781	6.8	0.7	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	83.8	8,808	9.5	2.8	Click
11	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.1	6,553	4.9	1.2	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	53.7	4,804	11.2	2.5	Click
13	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	19.4	2,282	8.5	1.4	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	26.1	4,465	5.8	1.1	Click
15	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	96.0	5,046	19.0	3.6	Click
16	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	23.0	4,313	5.3	1.1	Click
17	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	58.2	5,248	11.1	2.6	Click
18	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.2	2,117	4.8	0.6	Click
19	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	176.8	14,782	12.0	4.9	Click
20	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.7	0	13.8	0.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express VHC 2020Q2	20/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI Kế hoạch kinh doanh 2020 (2 kịch bản) Đối với kịch bản tích cực, doanh thu và LNST đạt 8,600 tỷ (+9.3% YoY) và 1,063 tỷ (-9.8% YoY). Đối với kịch bản tiêu cực, doanh thu và LNST đạt 6,450 tỷ (-18% YoY) và 800 tỷ (-32.1% YoY). VHC kỳ vọng sản lượng +15%, ASP giảm làm tổng DT +10% Capex 2020: dự kiến 580 tỷ; Trại cá giống + Mở rộng Collagen (T8.20) + NM dầu cá (205 tỷ); kho lạnh Vĩnh Phước (160 tỷ), xây/cải tạo vùng nuôi (30 tỷ). Bối cảnh chung 2020 tiếp tục là một năm ngành cá tra điều chỉnh sau 2 năm (2017 – 2018) tăng nóng: sản lượng tăng và ASP trung bình năm giảm (1H: ASP thấp; 2H: ASP cải thiện). Tỷ giá có thể biến động ko ổn định trong 2020.
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài, ... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
Express FPT 2020Q2	8/4/2020	Khuyến nghị MUA Kế hoạch kinh doanh 2020 FPT đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 32,450 tỷ đồng (+17% YoY) và 5,510 tỷ đồng (+18% YoY). Liên quan đến nCoV: (1) Cắt giảm chi phí sản xuất (giảm đầu tư ngắn hạn, các chi phí không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh); duy trì các chi phí tạo ra doanh số, hợp đồng trực tiếp. Hiện tại, giá bán của FPT đang tiệm cận các đối thủ khác, việc cắt giảm chi phí đúng lúc sẽ tạo ra thể mạnh cho FPT; (2) Đặt ra các tình huống khác nhau (các kịch bản kinh doanh khác nhau) tùy theo tình hình dịch bệnh và bám sát hoạt động kinh doanh theo quý, nhưng xác suất điều chỉnh kịch bản kinh doanh 2020 là khá cao. Hiện tại, KHKD Q2 phải giảm 15% so với KHKD ban đầu (dự kiến tuy không suy giảm nhưng ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ); (3) Thay đổi cách thức bán hàng từ offline sang online: Xuất khẩu phần mềm: call conference đến các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp thay vì gặp mặt trực tiếp, Viễn thông: đẩy mạnh bán hàng online, kênh xã hội thay vì door – to – door, Giáo dục: Cung cấp hình thức dạy trực tuyến, Chuyển đổi công nghệ số từ offline sang online là thay đổi lớn nhất; (4) Tăng cường thu hồi công nợ từ các khoản nợ khó đòi.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fw = 18.1x, PB fw = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quý.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn